

Bản án số: 294/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2020.

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bạch Ngọc Khanh

2. Ông Nguyễn Đình Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 859/2019/TLST- HNGD ngày 12 tháng 12 năm 2019. Về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa ngày 20/3/2020, ngày 11/5/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hải N, sinh ngày 11/9/1987.

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh ngày 20/6/1988.

Cùng ĐKKHKT tại: Số ...KĐT mới A, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hải N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh ngày 21/10/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có những bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng không có tiếng nói chung về các vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, nhất là nhận thức về việc đối nội, đối ngoại và cách nuôi dạy,

chăm sóc con cái. Bên cạnh đó thuận giữa chị T và gia đình anh cũng là nguyên nhân để cuộc sống chung giữa hai vợ chồng căng thẳng. Bản thân anh cũng đã tìm nhiều cách để hòa giải các mâu thuẫn, cũng như cải thiện mối quan hệ giữa chị T và gia đình anh tuy nhiên vẫn không có kết quả như anh mong muốn. Do mâu thuẫn căng thẳng đến khoảng cuối năm 2016 anh chị đã sống ly thân. Anh chị đã không nói chuyện được với nhau, mọi vấn đề trao đổi chỉ xoay quanh việc chăm sóc và giáo dục con. Hai anh chị sống ly thân từ đó đến nay, tuy vẫn sống trong cùng một mái nhà nhưng đã không còn quan hệ tình cảm, không liên quan gì đến kinh tế nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Anh N xin được ly hôn chị T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Mai K, sinh ngày 04/6/2015. Hiện cháu đang cùng chị T. Khi ly hôn, anh xác định không tranh chấp với chị T. Nếu chị T đề nghị được nuôi con, anh chấp nhận và sẽ cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản, công sức, công nợ chung*: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn Hải N tự nguyện kết hôn với nhau sau 7 năm tìm hiểu. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh ngày 21/10/2013. Sau khi kết hôn anh chị sống tại số ...KĐT mới A, phường L, quận H, thành phố Hà Nội đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì giữa hai bên.

Chị T thừa nhận, chị có phát sinh mâu thuẫn với bố mẹ chồng về chuyện nuôi dạy con cái nhưng gần đây mâu thuẫn đã được cải thiện hơn. Chị cho rằng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không ảnh hưởng lắm đến tình cảm của hai bên. Anh chị đúng là đã ly thân 3 năm nay, hai người ở hai phòng khác nhau nhưng vẫn sống chung một nhà, vẫn nói chuyện bình thường, không cãi vã, xích mích gì và vẫn cùng nhau chăm sóc con chung. Theo chị, Anh N là người tình cảm, chu đáo, yêu quý con chị không có điểm gì phàn nàn về anh. Chị khẳng định vẫn còn tình cảm với anh và không muốn con cái thiếu thốn tình cảm và sự chăm sóc của bố. Chị vẫn tôn trọng và yêu quý họ hàng hai bên và hy vọng cải thiện được mối quan hệ giữa hai anh chị.

Thời gian anh, chị ly thân, chị cũng đã tìm cách nói chuyện và thay đổi bản thân để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay Anh N xin ly hôn, chị không đồng ý. Nếu Anh N kiên quyết ly hôn chị xin được nuôi con gái, mọi giải quyết khác tùy theo pháp luật.

- *Về con chung*: Chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Mai K, sinh ngày 04/6/2015. Hiện con đang ở cùng chị. Nếu Anh N kiên quyết xin ly hôn

thì chị đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và công sức đóng góp*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Chị T xác nhận anh chị không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng chị T không ra Tòa án làm việc và không có lý do chính đáng về việc vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với chị T.

Tại phiên tòa, Anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện. Chị T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy vợ chồng Anh N, chị T có mâu thuẫn kéo dài, không hòa giải được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh N, cho Anh N được ly hôn chị T; Đề nghị giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Ghi nhận sự tự nguyện của Anh N cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 đồng/tháng. Về tài sản, công sức không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: anh chị không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Anh Nguyễn Hải N khởi kiện xin ly hôn chị Lê Thị T nên đây là tranh chấp về việc Ly hôn. Hiện chị đang trú tại địa chỉ phòng số ... KĐT mới A, phường L, quận H, thành phố Hà Nội, do đó theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Tòa án đã tiến hành giao nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng tại phiên tòa chị T đều vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị T.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hải N và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh ngày 21/10/2013 theo đúng quy định của pháp

luật nên là hôn nhân hợp pháp.

Trên cơ sở lời khai của Anh N, chị T trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng đã tự hòa giải và được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Mâu thuẫn căng thẳng dẫn đến vợ chồng ly thân từ cuối năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Cuộc sống chung đã không có sự cảm thông và chia sẻ với nhau trong một thời gian dài. Mặc dù anh, chị vẫn ở cùng nhà nhưng đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không quan hệ tình cảm, cả hai đã không còn thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ vợ chồng với nhau nữa. Tòa án đã thông báo cho chị T về các phiên hòa giải để anh chị về đoàn tụ nhưng chị T không đến Tòa án làm việc. Cho đến thời điểm hiện tại, hai bên cũng không tìm được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, quay về đoàn tụ với nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa anh Nguyễn Hải N và chị Lê Thị T không đạt được trên thực tế, khả năng vợ chồng quay lại chung sống với nhau là không còn. Nay Anh N xin ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của Anh N, cho Anh N được ly hôn chị T.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Mai K, sinh ngày 04/6/2015. Hiện con đang ở cùng chị T. Tại phiên tòa, Anh N nhất trí với ý kiến của chị T trong bản tự khai để chị T được trực tiếp nuôi con. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Xét thấy, đây là nguyện vọng của chị T và sự tự nguyện Anh N nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về tài sản, công sức và công nợ chung: Anh N và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí: Anh N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hải N đối với chị Lê Thị T. Cho anh Nguyễn Hải N được ly hôn chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Mai K, sinh ngày 04/6/2015. Giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 đồng/tháng (Mười triệu đồng) cho đến khi con đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, bất động sản chung, nợ chung: Anh N, chị T không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hải N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (được đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008526 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội). Anh N còn phải nộp 300.000 đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hải N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thoa

